

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/HC-ST
Ngày: 25 - 9 - 2023
Về việc “Khiếu kiện quyết định
hành chính trong lĩnh vực quản
lý đất đai”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Hồng Thùy
Ông Cao Văn Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồ Nhật Hạ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thương – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số: 22/2023/TLST-HC ngày 22 tháng 6 năm 2023 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 3030/2023/QĐXXST-HC ngày 08 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

Ông Lê Văn D, sinh năm 1960;
Địa chỉ: Số A, ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre.

2. Người bị kiện:

Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Công T - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lê Văn H, sinh năm 1957;
- Bà Nguyễn Thị Hà E, sinh năm 1960;

- Chị Lê Thị Bạch V, sinh năm 1984;

Cùng địa chỉ: Số A, ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre.

- Chị Lê Thị Bạch D1, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Số A, ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre.

- Anh Lê Thanh P, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Số B, ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre.

- Anh Lê Minh L, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Số A, ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Hà E, chị Lê Thị Bạch V, chị Lê Thị Bạch D1, anh Lê Thanh P, anh Lê Minh L (theo Giấy ủy quyền ngày 28/7/2023):

Ông Lê Văn H, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Số A, ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn H:

Anh Võ Vũ P1, sinh năm 1984;

Địa chỉ thường trú: 86/5, ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông D, ông H, anh P1 có mặt, ông Đào Công T - người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân xã T vắng mặt (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/5/2023, bản tự khai ngày 08/7/2023 và tại phiên tòa, người khởi kiện là ông Lê Văn D trình bày:

Vào ngày 15/11/1995, ông được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa như sau:

Thửa 1419, tờ bản đồ số 02, diện tích 9500m² (cấp đổi năm 2008 thành thửa 62, tờ bản đồ số 22, diện tích 14.586m²).

Thửa 1615, tờ bản đồ số 02, diện tích 11000m² (cấp đổi năm 2008 thành thửa 55, tờ bản đồ số 22, diện tích 1251m²).

Thửa 1614, tờ bản đồ số 02, diện tích 300m² (cấp đổi năm 2008 thành thửa 63, tờ bản đồ số 22, diện tích 300m²).

Các thửa đất trên cùng tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Tổng diện tích đất của ông được cấp ngày 15 tháng 11 năm 1995 là 20.800m², nhưng cấp đổi ngày 23 tháng 9 năm 2008 diện tích chỉ còn 16.137m², trong khi đất của ông từ trước đến nay không chuyển nhượng hay thay đổi gì.

Do lúc đo đạc 301 không thống nhất về ranh giữa đất của ông và đất của các hộ lân cận, ông cũng không chứng kiến việc đo đạc, nên đã nhập đất của ông vào phần đất của hộ liền kề là ông Lê Văn H mà ông không biết. Đến khi hai bên phát sinh tranh chấp ranh đất, nhờ địa chính đo đạc, ông mới biết một phần thửa 62 và một phần thửa 55 đã bị đo nhập vào một phần thửa 61 và một phần thửa 59 của ông H, diện tích khoảng 400m² nhưng thực trạng từ trước đến nay ông vẫn trực tiếp quản lý sử dụng.

Hùng Do vậy, ông yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H04622, số phát hành AĐ 186130 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho ông H năm 2008 đối với diện tích 2369m² (được điều chỉnh thành diện tích 2559.9m²), thửa 61, tờ bản đồ 22, tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, ông D thống nhất diện tích đất theo đo đạc thực tế là 769.1m² và cho rằng đây là phần đất của ông D thuộc thửa 62 bị đo nhập vào thửa đất số 61 của hộ ông H. Do thửa 61 cấp cho hộ ông H nên ông D yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho hộ ông H năm 2008 đối với diện tích 2559.9m², thửa 61, tờ bản đồ 22, tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Tại Công văn số 2238/UBND-NC ngày 26/7/2023, người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện T có ý kiến:

Phần đất diện tích 2369m² thửa 61, tờ bản đồ số 22 có nguồn gốc của ông, bà ông H để lại cho ông H sử dụng trước năm 1993 đến nay. Đến năm 2003, đo đạc thành lập bản đồ địa chính, ông H kê khai, đăng ký diện tích 2369m² và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 07 tháng 8 năm 2008. Đến năm 2010, đo đạc chỉnh lý theo dự án VLAP, diện tích đất của ông H tăng lên 2559.9m² và ông H đã được điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 16 tháng 4 năm 2019.

Ủy ban nhân dân huyện T đề nghị Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và ngu7o2i đại diện theo pháp luật là ông Đào Công T xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Theo biên bản ngày 21/7/2023 và tại phiên tòa, ông Lê Văn H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hà E, chị Lê Thị Bạch V, chị Lê Thị Bạch D1, anh Lê Thanh P, anh Lê Minh L trình bày:

Phần đất thửa 61, tờ bản đồ số 22 tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông H vào ngày 07/8/2008. Thời điểm cấp giấy chứng nhận thì hộ gia đình có ông và vợ con là bà Nguyễn Thị Hà E, chị Lê Thị Bạch V, chị Lê Thị Bạch D1, anh Lê Thanh P, anh Lê Minh L.

Thửa đất 61 có nguồn gốc của bà nội ông H là bà Trần Thị C để lại cho ông H, từ nhỏ đến lớn ông H cùng bà C đã sử dụng thửa 61. Đến năm 2003 thì ông D đến canh tác quản lý một phần thửa 61, tức là phần đất mà Tòa án đã đo đạc, ông H không ngăn cản việc ông D canh tác đất lý do là ông H để cho ông D thu huê lợi cùng giỗ ông bà và làm lối đi chứ không phải thừa nhận đất này của ông D. Ông H và bà Nguyễn Thị Hà E, chị Lê Thị Bạch V, chị Lê Thị Bạch D1, anh Lê Thanh P, anh Lê Minh L không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Căn cứ Luật đất đai 2003, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn D. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H04622, số phát hành AĐ 186130 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho ông Lê Văn H năm 2008 đối với diện tích 769.1m² thửa 61a, tờ bản đồ 22, tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo pháp luật của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện T xin vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, đối thoại. Do đó, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hành chính để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính xét thấy:

[1] Về thời hiệu khởi kiện:

Phần đất Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho ông H năm 1995, cấp đổi năm 2008, sau đó giữa ông D và ông H phát sinh tranh chấp. Đến ngày 20/02/2023, Ủy

ban nhân dân xã M tổ chức hòa giải, ông H không đồng ý trả đất cho ông D. Ngày 08/5/2023, Tòa án nhận đơn khởi kiện. Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, từ ngày 20/02/2023 đến ngày 08/5/2023, thời hiệu khởi kiện 01 năm vẫn còn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính về thẩm quyền của Tòa án cấp tỉnh thì Tòa án tỉnh Bến Tre thụ lý vụ án hành chính là đúng thẩm quyền.

[3] Về tính hợp pháp và căn cứ của quyết định hành chính:

- Về thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 52 Luật đất đai năm 2003, Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông H thửa 61 diện tích 2369m², tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre vào ngày 07/8/2008 là đúng thẩm quyền. Ngày 17/7/2023, phần đất trên được điều chỉnh diện tích từ 2369m² thành 2559.9m² theo biên bản sửa sai số 55/BB-VPĐK-ĐĐTTP ngày 05/3/2014 của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất Bến Tre.

- Về trình tự thủ tục và nội dung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Ông Lê Văn D yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H04622, số phát hành AĐ 186130 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho ông Lê Văn H ngày 07/8/2008 đối với diện tích 2559.9m², thửa đất số 61, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Nhận thấy, vào năm 1995, ông D được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 20.800m² (thửa 1419 diện tích 9500m²; thửa 1615 diện tích 11000m²; thửa 1614 diện tích 300m²), tờ bản đồ 02, tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện T. Năm 2008 ông D được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: thửa 62 diện tích 14.586m²; thửa 55 diện tích 1251m²; thửa 63 diện tích 3001m², tổng diện tích cấp mới của ông D là 18.838m².

Ông D cho rằng từ khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đến nay ông D không có chuyển nhượng hay thay đổi gì nhưng diện tích đất của ông bị mất so với diện tích đất cấp lần đầu, mặc dù ranh đất ông sử dụng từ trước đến nay không có gì thay đổi, cụ thể diện tích đất ông D bị mất do thửa số 62 của ông D bị nhập vào thửa 61 của ông H.

Xét theo họa đồ thửa 62 của ông D tiếp giáp thửa 61 của ông H. Kết quả đo đạc theo yêu cầu Tòa án ngày 24/7/2023 thể hiện phần đất tranh chấp đo theo hiện trạng ông D xác định có diện tích 769.1m² thửa 61a là do ông H đứng tên giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất, việc xác định ranh đất nêu trên theo bản đồ VLAP năm 2011 (BL 104).

Xét về nguồn gốc đất và hiện trạng đất: Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/7/2023 của Tòa án trên phần đất tranh chấp có trồng 10 cây dừa trên 06 năm tuổi, 01 bụi chuối, 03 cây chuối nhỏ. Ông D cho rằng 10 cây dừa do cha của ông D trồng để lại từ trước năm 1996, chuối do ông D mới trồng gần đây. Ông H cho rằng 10 cây dừa do ông H trồng từ năm 1978, chuối do ông D trồng (BL 89). Như vậy, các đương sự trình bày không thống nhất về quá trình sử dụng đất. Tòa án tiến hành xác minh bà Phan Thị N, bà Võ Thị T1 sống gần phần đất tranh chấp, các bà cho biết đất tranh chấp do ông D quản lý sử dụng; bà Bùi Thị Á (mẹ ruột ông D) cho biết đất tranh chấp là của vợ chồng bà Á để lại cho ông D; ông Lê Văn T2 (anh bà con chú bác với ông D, ông H) cho biết là đất của ông bà nội ông D, ông H để lại cho cha ông D, cha ông D để lại cho ông D.

Đồng thời, chính ông H cũng thừa nhận ông D được sử dụng đất từ năm 2003 đến nay, ông không ngăn cản việc sử dụng đất của ông D. Như vậy, có cơ sở xác định phần đất tranh chấp do ông D quản lý, sử dụng từ trước đến nay thuộc một phần thửa đất số 61, tờ bản đồ số 22 của ông H. Ông H không sử dụng đất nhưng Ủy ban nhân dân huyện T cấp quyền sử dụng phần đất tranh chấp cho hộ ông H vào năm 2008 là không đúng đối tượng và không phù hợp quy định pháp luật.

Do vậy, việc ông D yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H04622, số phát hành AĐ 186130 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho hộ ông Lê Văn H năm 2008 đối với thửa đất số 61, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre là có cơ sở để chấp nhận.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng khác: Ông Lê Văn D tự nguyện chịu và đã nộp đủ số tiền 4.000.000 đồng.

[6] Về án phí hành chính sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên người bị kiện phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính;

Áp dụng Luật Đất đai năm 2003; Nghị quyết số 326/2016/UNT-VQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn D.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H04622, số phát hành AĐ 186130 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho hộ ông Lê Văn H ngày 07/8/2008 đối với thửa đất số 61, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre.

(Có họa đồ kèm theo)

2. Về chi phí tố tụng khác: Ông Lê Văn D tự nguyện chịu và đã nộp đủ số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng).

3. Về án phí hành chính sơ thẩm:

Ủy ban nhân dân huyện T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo; các đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Hồng Thùy

Cao Văn Viết

Phạm Thị Thu Trang

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Cục THADS tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THAHS tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Trang